

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
AN PHÁT**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

đã được soát xét

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-30
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Phùng Thị Minh Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Đinh Quốc Thắng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Bùi Huy Dạm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Trần Thị Thanh Thùy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Ngô Thị Ngát	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Bà Lê Thị Thùy Dương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013
Ông Nguyễn Hữu Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2013

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát lập tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2013

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.813.245.098	92.810.462.484
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.064.449.144	2.371.742.577
111	1. Tiền		8.064.449.144	371.742.577
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	44.262.496.200	43.624.191.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		59.380.747.162	65.869.002.262
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.118.250.962)	(22.244.810.362)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	73.747.338.940	45.074.715.592
131	1. Phải thu của khách hàng		100.000.000	100.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		16.925.511.000	65.000.350
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		47.349.852.940	46.447.263.634
138	5. Các khoản phải thu khác		9.731.125.000	839.749.862
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(359.150.000)	(2.377.298.254)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.738.960.814	1.739.812.415
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		426.640.825	468.860.886
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	61.049.914	19.681.454
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.860.840.114	7.303.916.374
220	II. Tài sản cố định		3.508.683.745	4.769.340.846
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.404.558.155	3.454.596.347
222	- Nguyên giá		5.052.768.446	6.876.662.314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.648.210.291)	(3.422.065.967)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.104.125.590	1.314.744.499
228	- Nguyên giá		3.306.171.230	3.205.121.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.202.045.640)	(1.890.376.731)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.690.000.000	1.015.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.690.000.000	1.015.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.662.156.369	1.519.575.528
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	142.580.841	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	1.480.651.870	1.480.651.870
268	4. Tài sản dài hạn khác		38.923.658	38.923.658
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		134.674.085.212	100.114.378.858

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		35.148.938.078	800.655.444
310	I. Nợ ngắn hạn		35.148.938.078	800.655.444
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	30.900.000.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	358.444.147	234.274.387
315	5. Phải trả người lao động		117.340.000	262.462.380
316	6. Chi phí phải trả	16	45.224.727	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	3.727.929.204	351.488.644
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	(47.569.967)
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		99.525.147.134	99.313.723.414
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	99.525.147.134	99.313.723.414
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.514.852.866)	(36.726.276.586)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		134.674.085.212	100.114.378.858

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		239.190.090.000	258.485.490.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		234.370.730.000	253.554.140.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		752.280.000	12.107.570.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		231.249.450.000	239.077.570.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.369.000.000	2.369.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		4.819.360.000	4.931.350.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		4.819.360.000	4.931.350.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		6.984.490.000	7.531.800.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		6.984.490.000	7.531.800.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		880.390.000	880.340.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		6.104.100.000	6.651.460.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.410.000.000	10.410.000.000

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Nghị

Nguyễn Thanh Nghị

Trần Thiên Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	3.100.192.497	4.380.021.980
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		521.353.029	972.371.006
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		47.623.980	288.265.085
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		116.000.000	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		81.399.970	-
01.9	Doanh thu khác		2.333.815.518	3.119.385.889
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	3.100.192.497	4.380.021.980
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	2.483.323.871	(5.743.693.461)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		616.868.626	10.123.715.441
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	398.609.118	4.731.390.291
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		218.259.508	5.392.325.150
31	8. Thu nhập khác		458.545.455	-
32	9. Chi phí khác		465.381.243	120.000.000
40	10. Lợi nhuận khác		(6.835.788)	(120.000.000)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		211.423.720	5.272.325.150
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>211.423.720</u>	<u>5.272.325.150</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	16	390

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị



Nguyễn Thanh Nghị



Trần Thiên Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		211.423.720	5.272.325.150
02	- Khấu hao tài sản cố định		770.695.017	835.784.465
03	- Các khoản dự phòng		(9.144.707.654)	(15.265.475.792)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.326.979.730)	(208.193.216)
06	- Chi phí lãi vay		563.626.816	47.599.500
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.925.941.831)	(9.317.959.893)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.726.601.888)	9.038.433.285
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		12.988.255.100	21.644.219.592
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.403.057.907	133.021.779
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		42.220.061	207.676.176
13	- Tiền lãi vay đã trả		(518.402.089)	(47.599.500)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	261.948.526
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(120.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(20.737.412.740)	21.799.739.965
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(118.000.000)	(589.803.500)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		458.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.900.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13.400.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(675.000.000)	(225.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.364.573.852	167.276.549
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.469.880.693)	(647.526.951)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		32.877.552.222	3.009.408.500
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.977.552.222)	(3.850.958.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		30.900.000.000	(841.549.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		5.692.706.567	20.310.663.514
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		2.371.742.577	3.030.602.392
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	8.064.449.144	23.341.265.906

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị



Nguyễn Thanh Nghị



Trần Thiên Hà

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.726.276.586)	211.423.720	-	(36.514.852.866)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	99.313.723.414	211.423.720	-	99.525.147.134

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(37.138.364.205)	5.272.325.150	-	(31.866.039.055)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	98.901.635.795	5.272.325.150	-	104.173.960.945

Người lập



Nguyễn Thanh Nghị

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghị

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	1.362.190	8.561.188.000
- Cổ phiếu	1.362.190	8.561.188.000
Của người đầu tư	33.760.202	196.533.320.200
- Cổ phiếu	33.760.202	196.533.320.200
	35.122.392	205.094.508.200

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	9.353.273	173.471
Tiền gửi ngân hàng	4.391.778.806	191.604.216
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.663.317.065	179.964.890
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	8.064.449.144	2.371.742.577

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị		Giảm so với giá trị tăng		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	1.204.267	2.245.567	27.880.747.162	40.869.002.262	1.513.700	1.488.600	(15.118.250.962)	(22.244.810.362)	12.764.009.900	18.625.680.500
Chứng khoán niêm yết	75.228	1.122.718	898.447.162	13.886.702.262	1.509.700	1.483.600	(337.395.162)	(8.146.557.962)	562.561.700	5.741.627.900
- ACB	76	76	-	-	1.216.000	1.238.800	-	-	1.216.000	1.238.800
- GGG	96	96	1.277.792	1.277.792	-	-	(1.162.592)	(1.172.192)	115.200	105.600
- QCG	19.900	90.000	455.313.789	2.059.208.092	-	-	(306.063.789)	(1.402.208.092)	149.250.000	657.000.000
- SRC	11	11	-	-	201.300	157.300	-	-	201.300	157.300
- VCS	138	138	1.855.581	1.855.581	-	-	(668.781)	(332.881)	1.186.800	1.522.700
- VFMVF4	-	962.390	-	9.626.792.311	-	-	-	(5.392.276.311)	-	4.234.516.000
- TDH	-	70.000	-	2.197.568.486	-	-	-	(1.350.568.486)	-	847.000.000
- MB	7	7	-	-	92.400	87.500	-	-	92.400	87.500
- KBC	30.000	-	243.000.000	-	-	-	(21.000.000)	-	222.000.000	-
- VND	15.000	-	137.000.000	-	-	-	(500.000)	-	136.500.000	-
- VGS	10.000	-	60.000.000	-	-	-	(8.000.000)	-	52.000.000	-
Chứng khoán Upcom	88.039	81.849	788.725.500	788.725.500	4.000	5.000	(674.281.300)	(665.477.900)	114.448.200	123.252.600
- NOSCO	88.034	81.844	788.725.500	788.725.500	-	-	(674.281.300)	(665.477.900)	114.444.200	123.247.600
- VSG	5	5	-	-	4.000	5.000	-	-	4.000	5.000
Chứng khoán chưa niêm yết	1.041.000	1.041.000	26.193.574.500	26.193.574.500	-	-	(14.106.574.500)	(13.432.774.500)	12.087.000.000	12.760.800.000
- BLIC	13.000	13.000	145.000.000	145.000.000	-	-	(15.000.000)	(20.200.000)	130.000.000	124.800.000
- DVCK	20.000	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	(260.000.000)	(250.000.000)	60.000.000	70.000.000
- SDF	3.000	3.000	123.574.500	123.574.500	-	-	(96.574.500)	(87.574.500)	27.000.000	36.000.000
- BDSDK	5.000	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	(55.000.000)	(75.000.000)	50.000.000	30.000.000
- PVC	1.000.000	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	(13.680.000.000)	(13.000.000.000)	11.820.000.000	12.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	31.500.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	31.500.000.000	25.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	-	31.500.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	31.500.000.000	25.000.000.000
	1.204.267	2.245.567	59.380.747.162	65.869.002.262	1.513.700	1.488.600	(15.118.250.962)	(22.244.810.362)	44.264.009.900	43.625.680.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập VND	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND		Số quá hạn VND
Phải thu của khách hàng	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	100.000.000	-	-	-	-	100.000.000	-	-
Trả trước cho người bán	65.000.350	-	-	16.925.511.000	65.000.350	16.925.511.000	-	-
- Ứng trước cho công ty Fitech	40.000.350	-	-	-	40.000.350	-	-	-
- Ứng trước cho công ty Đại An	25.000.000	-	-	-	25.000.000	-	-	-
- Ứng trước cho Nguyễn Huy Hoàng	-	-	-	16.925.511.000	-	16.925.511.000	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	46.447.263.634	-	2.377.298.254	191.213.648.062	190.311.058.756	47.349.852.940	9.150.000	350.000.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	46.447.263.634	-	2.377.298.254	191.213.648.062	190.311.058.756	47.349.852.940	9.150.000	350.000.000
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	119.601.257	-	-	286.950.933	394.453.526	12.098.664	-	-
+ Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	506.112.603	-	-	46.884.948.107	46.975.750.103	415.310.607	-	-
+ Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	43.486.112.700	-	1.659.775.510	112.983.854.358	109.630.566.058	46.841.401.000	-	350.000.000
+ Phải thu tiền vay mua thiếu tiền ngày T	2.335.437.074	-	717.522.744	31.055.894.664	33.310.289.069	81.042.669	9.150.000	-
Các khoản phải thu khác	839.749.862	-	-	9.726.125.000	834.749.862	9.731.125.000	-	-
- Kinh phí công đoàn	1.387.780	-	-	-	1.387.780	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	150.883.334	-	-	120.125.000	150.883.334	120.125.000	-	-
- Phải thu khác	687.478.748	-	-	9.606.000.000	682.478.748	9.611.000.000	-	-
	47.452.013.846	-	2.377.298.254	217.865.284.062	191.210.808.968	74.106.488.940	9.150.000	350.000.000
								(359.150.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	(2.377.298.254)	(2.337.733.679)
Số trích lập/hoàn nhập trong kỳ	2.018.148.254	(208.289.464)
Số dư cuối kỳ	(359.150.000)	(2.546.023.143)

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.251.270.075
	1.251.270.075	1.251.270.075

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	55.849.914	14.481.454
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000	5.200.000
	61.049.914	19.681.454

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	5.578.399.328	1.118.800.000	179.462.986	6.876.662.314
Tăng do phân loại lại	106.696.086	-	-	106.696.086
Thanh lý, nhượng bán	(38.681.000)	(1.118.800.000)	-	(1.157.481.000)
Giảm do phân loại lại	-	-	(106.696.086)	(106.696.086)
Giảm khác ⁽¹⁾	(593.645.968)	-	(72.766.900)	(666.412.868)
Số dư cuối kỳ	5.052.768.446	-	-	5.052.768.446
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	2.652.694.544	675.941.667	93.429.756	3.422.065.967
Trích khấu hao	440.737.055	11.825.807	1.378.246	453.941.108
Tăng do phân loại lại	25.407.102	-	-	25.407.102
Thanh lý, nhượng bán	(4.332.283)	(687.767.474)	-	(692.099.757)
Giảm do phân loại lại	-	-	(25.407.102)	(25.407.102)
Giảm khác ⁽¹⁾	(466.296.127)	-	(69.400.900)	(535.697.027)
Số dư cuối kỳ	2.648.210.291	-	-	2.648.210.291
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	2.925.704.784	442.858.333	86.033.230	3.454.596.347
Số dư cuối kỳ	2.404.558.155	-	-	2.404.558.155

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 144.960.380

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.205.121.230
Mua sắm mới	118.000.000
Giảm khác ⁽¹⁾	(16.950.000)
Số dư cuối kỳ	3.306.171.230
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.890.376.731
Trích khấu hao	316.753.909
Giảm khác ⁽¹⁾	(5.085.000)
Số dư cuối kỳ	2.202.045.640
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	1.314.744.499
Số dư cuối kỳ	1.104.125.590

(1) Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá trị tăng trưởng		Giảm so với giá trị tăng trưởng		Tổng giá trị theo giá trị tăng trưởng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	135.000	67.500	1.690.000.000	1.015.000.000	-	-	-	-	1.690.000.000	1.015.000.000
- Trái phiếu chuyển đổi nhà Thủ Đức	-	-	340.000.000	340.000.000	-	-	-	-	340.000.000	340.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Súc Khỏe Việt	135.000	67.500	1.350.000.000	675.000.000	-	-	-	-	1.350.000.000	675.000.000
	135.000	67.500	1.690.000.000	1.015.000.000	-	-	-	-	1.690.000.000	1.015.000.000

110
CÔNG
HIỆM
3 KIẾ
AA
TƯ KI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	142.580.841	-
	142.580.841	-

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.061.385.014	1.061.385.014
Tiền lãi	299.266.856	299.266.856
Số dư cuối kỳ	1.480.651.870	1.480.651.870

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	30.900.000.000	-	30.900.000.000
- Ngân hàng	-	30.900.000.000	-	30.900.000.000
	-	30.900.000.000	-	30.900.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ⁽¹⁾	16.900.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽²⁾	14.000.000.000	-
	30.900.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng hạn mức thanh toán số 00123/2013/0000282 ngày 22/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 10/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức thanh toán tối đa: 16,9 tỷ đồng;
 - + Thời hạn vay: đến ngày 12/11/2013;
 - + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
 - + Tài sản đảm bảo: số dư khả dụng các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng.
- (2) Hợp đồng hạn mức thanh toán số 01.1978675.2012 ngày 13/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 26/04/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức thanh toán tối đa: 14 tỷ đồng;
 - + Thời hạn: từ ngày 26/04/2013 đến ngày 22/11/2013;
 - + Phí suất: 10,7%/năm;
 - + Tài sản đảm bảo: số dư khả dụng các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	82.837.231	37.382.686
Thuế Thu nhập cá nhân	116.327.797	43.576.837
Các loại thuế khác	159.279.119	153.314.864
	358.444.147	234.274.387

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	45.224.727	-
	45.224.727	-

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.088.220	-
Bảo hiểm xã hội	14.654.752	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.663.317.065	179.964.890
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.569.167	140.223.754
	3.727.929.204	351.488.644

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	135.289.000.000	135.289.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	135.289.000.000	135.289.000.000

b) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- Cổ phiếu phổ thông	13.528.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	3.100.192.497	4.380.021.980
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	521.353.029	972.371.006
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	47.623.980	288.265.085
- Doanh thu hoạt động tư vấn	116.000.000	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	81.399.970	-
- Doanh thu khác	2.333.815.518	3.119.385.889
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.100.192.497	4.380.021.980

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.565.224.967	39.262.825
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.426.767.100	8.779.699.277
Chi phí dự phòng	(7.126.559.400)	(15.473.765.256)
Chi phí khác	563.626.816	-
Chi phí trực tiếp chung	1.054.264.388	911.109.693
	2.483.323.871	(5.743.693.461)

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	951.519.600	1.328.221.000
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	61.352.942	283.508.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	770.695.017	835.784.465
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng	(2.018.148.254)	208.289.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.600.273	1.895.599.418
Chi phí khác bằng tiền	41.589.540	179.987.613
	398.609.118	4.731.390.291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	211.423.720	5.272.325.150
Các khoản điều chỉnh tăng	-	120.000.000
- Chi phí không hợp lệ	-	120.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(37.451.580.259)	(38.690.109.656)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(47.573.820)	(74.169.900)
- Chuyển lỗ các năm trước	(37.404.006.439)	(38.615.939.756)
Tổng thu nhập tính thuế	(37.240.156.539)	(33.297.784.506)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	211.423.720	5.272.325.150
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	211.423.720	5.272.325.150
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.528.900	13.528.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	390

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	8.064.449.144	-	2.371.742.577	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu	57.180.977.940	(359.150.000)	47.387.013.496	(2.377.298.254)
Đầu tư ngắn hạn	59.380.747.162	(15.118.250.962)	65.869.002.262	(22.244.810.362)
Đầu tư dài hạn	1.690.000.000	-	1.015.000.000	-
	126.316.174.246	(15.477.400.962)	116.642.758.335	(24.622.108.616)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Các loại công cụ tài chính của Công ty (tiếp theo)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	30.900.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	3.727.929.204	351.488.644
Chi phí phải trả	45.224.727	-
	34.673.153.931	351.488.644

Tài sản và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương	8.064.449.144	-	-	8.064.449.144
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu	56.821.827.940	-	-	56.821.827.940
Đầu tư ngắn hạn	44.262.496.200	-	-	44.262.496.200
Đầu tư dài hạn	-	1.690.000.000	-	1.690.000.000
	109.148.773.284	1.690.000.000	-	110.838.773.284
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương	2.371.742.577	-	-	2.371.742.577
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu	45.009.715.242	-	-	45.009.715.242
Đầu tư ngắn hạn	43.624.191.900	-	-	43.624.191.900
Đầu tư dài hạn	-	1.015.000.000	-	1.015.000.000
	91.005.649.719	1.015.000.000	-	92.020.649.719

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	30.900.000.000	-	-	30.900.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, Chi phí phải trả	3.727.929.204	-	-	3.727.929.204
	45.224.727	-	-	45.224.727
	34.673.153.931	-	-	34.673.153.931
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán,	351.488.644	-	-	351.488.644
	351.488.644	-	-	351.488.644

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Lĩnh vực khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	521.353.029	47.623.980	2.333.815.518	197.399.970	3.100.192.497	-	3.100.192.497
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.565.224.967	(699.792.300)	-	-	865.432.667	-	865.432.667
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	2.016.500.322	-	2.016.500.322
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.043.871.938)	747.416.280	2.333.815.518	197.399.970	218.259.508	-	218.259.508
Tài sản bộ phận trực tiếp	59.306.605.400	45.952.496.200	-	-	105.259.101.600	-	105.259.101.600
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	29.414.983.612	-	29.414.983.612
Tổng tài sản	59.306.605.400	45.952.496.200	-	-	134.674.085.212	-	134.674.085.212
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	35.148.938.078	-	35.148.938.078
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	35.148.938.078	-	35.148.938.078

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	274.368.000	362.330.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Nguyễn Thanh Nghị

Trần Thiên Hà